

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 25-10-2019

V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phước Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Bích Ly.

Ông Lý Thanh Phong.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Yến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Triệu Thị Mộng Lý - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 153/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2019 về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 71/2019/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị T1 (tên gọi khác Trần Thị C), sinh năm 1980; cư trú tại ấp T, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Lý Văn T2 (tên gọi khác: Lý Tấn T2, Lý Tân T2), sinh năm 1981; cư trú tại ấp M, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 6 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị T1 trình bày:

Chị T1 với anh T2 được gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 2003. Anh, chị được Ủy ban nhân dân xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2003, là hôn nhân tự nguyện. Vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 02 - 03 năm đầu thì phát sinh mâu thuẫn và thường xuyên cãi nhau, do anh T2 đi nhậu về là có lời nói xúc phạm đến cha mẹ ruột của chị T1,

chị T1 trả lời lại thì anh T2 dùng tay đánh chị T1, nhưng không gây thương tích, nên chị T1 không báo với chính quyền địa phương can thiệp. Cha mẹ chồng có khuyên ngăn nhưng không được, anh T2 không thay đổi, mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn, từ đó dẫn đến cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Chị T1 về nhà cha mẹ ruột ở ấp T, xã L, huyện T sống từ tháng 5 năm 2019 cho đến nay.

Trong thời gian chung sống, chị T1 và anh T2 có ba con chung tên Lý Thanh C, sinh ngày 16 tháng 6 năm 2004, Lý Tử L, sinh ngày 02 tháng 02 năm 2006 và Lý Như N, sinh ngày 24 tháng 4 năm 2017, các con hiện nay đang sống chung với chị T1.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Trần Thị T1 yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Chị Trần Thị T1 yêu cầu được ly hôn với anh Lý Văn T2.

- Về con chung: Đối với 02 con chung tên Lý Thanh C, sinh ngày 16 tháng 6 năm 2004 và Lý Tử L, sinh ngày 02 tháng 02 năm 2006 thì tùy vào nguyện vọng của hai con muốn sống với ai thì người đó trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con tròn 18 tuổi, người không trực tiếp nuôi con không phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung tên Lý Như N, sinh ngày 24 tháng 4 năm 2017, chị T1 yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu anh T2 cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị T1 và anh T2 tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 21 tháng 8 năm 2019, bị đơn anh Lý Văn T2 trình bày:

Vào năm 2003, anh T2 và chị T1 được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới, sau đó anh, chị có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng nhưng không nhớ ngày tháng cụ thể, hôn nhân tự nguyện.

Về con chung: Anh T2 và chị T1 có ba con chung tên Lý Thanh C, sinh ngày 16 tháng 6 năm 2004, Lý Tử L, sinh ngày 02 tháng 02 năm 2006 và Lý Như N, sinh ngày 24 tháng 4 năm 2017, các con hiện nay đang sống chung với chị T1.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Vợ chồng có cãi vã nhau và anh T2 có dùng tay đánh vào mặt chị T1 một lần, thì chị T1 bỏ về nhà cha mẹ ruột ở từ khoảng tháng 5 năm 2019 cho đến nay.

Trước yêu cầu của chị T1, anh T2 có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Anh T2 không đồng ý ly hôn với chị T1 vì còn thương chị T1.

- Về con chung: Anh T2 yêu cầu được nuôi hai con chung tên Lý Thanh C, sinh ngày 16 tháng 6 năm 2004 và Lý Tử L, sinh ngày 02 tháng 02 năm 2006, không yêu cầu chị T1 cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T2 đồng ý giao con chung tên Lý Như N, sinh ngày 24 tháng 4 năm 2017 cho chị T1 nuôi dưỡng đến tuổi thành niên, anh T2 không phải cấp dưỡng nuôi cháu N. Trường hợp Tòa án quyết định giao cháu C, cháu L cho chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên thì anh T2 không đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu C, cháu L.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh T2 thống nhất tự thỏa thuận với chị T1, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự, trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, riêng bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án, xét thấy nguyên đơn, bị đơn thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã với nhau, bị đơn dùng tay đánh nguyên đơn và nguyên đơn, bị đơn không còn sống chung với nhau, không hàn gắn được nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn; về con chung giao ba con chung tên chung tên Lý Thanh C, sinh ngày 16 tháng 6 năm 2004, Lý Tử L, sinh ngày 02 tháng 02 năm 2006 và Lý Như N, sinh ngày 24 tháng 4 năm 2017 cho nguyên đơn nuôi dưỡng đến tuổi thành niên, nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra xem xét. Về án phí nguyên đơn có đơn yêu cầu xin ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng trong vụ án ly hôn. Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử nghị án và tuyên án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn và thẩm quyền giải quyết: Chị Trần Thị T1 cư trú tại ấp T, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng và anh Lý Văn T2 cư trú tại ấp M, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Chị T1 có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh T2 và yêu cầu được nuôi con chung. Chị T1 đã nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, Tòa án nhân dân huyện M đã thụ lý đơn và thông báo cho chị T1 nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật và chị T1 đã thực hiện việc nộp tiền tạm ứng án phí đúng quy định. Như vậy, việc Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng thụ lý việc khởi kiện của chị Trần

Thị T1 là đúng thẩm quyền và đúng theo trình tự thủ tục tố tụng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 191 và Điều 195 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Đối với bị đơn anh Lý Văn T2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt anh T2. Nguyên đơn chị Trần Thị T1 có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt chị T1.

[2] Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T1 và anh T2 không cung cấp được cho Tòa án giấy chứng nhận kết hôn hoặc tài liệu, chứng cứ chứng minh anh, chị có đăng ký kết hôn vào năm 2003. Tuy nhiên, tại biên bản xác minh ngày 17 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng xác định vào ngày 23 tháng 4 năm 2009, anh Lý Tân T2, sinh năm 1980, nơi thường trú ấp M, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, số chứng minh nhân dân: 365442923 có đăng ký kết hôn với chị Trần Thị T1, sinh năm 1980, nơi thường trú ấp T, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Tại sổ hộ khẩu do anh Lý Văn T2 đứng tên chủ hộ, có số chứng minh nhân dân số 365442923 và tại đơn yêu cầu xác nhận do chị T2 lập ngày 23 tháng 9 năm 2019, thì Công an xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng xác nhận anh Lý Văn T2, sinh năm 1981, đăng ký thường trú ấp M, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng với anh Lý Tấn T2, sinh năm 1980 và anh Lý Tân T2, sinh năm 1980 là cùng một người. Như vậy, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử khẳng định hôn nhân giữa chị Trần Thị T1 với anh Lý Văn T2 (tên gọi khác: Lý Tấn T2, Lý Tân T2) là hợp pháp.

[4] Xét lý do xin ly hôn của chị Trần Thị T1, Hội đồng xét xử xét thấy, sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng chị T1, anh T2 hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, anh T2 có hành vi bạo lực gia đình, đánh chị T1 nên chị T1 bỏ về nhà cha mẹ ruột sống và anh, chị không còn sống chung với nhau từ tháng 5 năm 2019 cho đến nay, chị T1, anh T2 đã bỏ mặc nhau làm cho tình trạng hôn nhân của vợ chồng anh, chị trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T1.

[5] Về con chung: Tại đơn khởi kiện ngày 12 tháng 6 năm 2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị T1 trình bày và yêu cầu: Đối với 02 con chung tên Lý Thanh C, sinh ngày 16 tháng 6 năm 2004 và Lý Tử L, sinh ngày 02 tháng 02 năm 2006 thì tùy vào nguyện vọng của hai con muốn sống với ai thì người đó trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con tròn 18 tuổi, người không trực tiếp nuôi con không phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung tên Lý Như N, sinh ngày 24 tháng 4 năm 2017, chị T1

yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu anh T2 cấp dưỡng nuôi con chung. Xét yêu cầu về việc nuôi con chung của chị T1, Hội đồng xét xử xét thấy, tại biên bản ghi ý kiến ngày 09 tháng 7 năm 2019, cháu Lý Thanh C và cháu Lý Tử L đều thể hiện nguyện vọng của các cháu muốn được sống chung với mẹ là chị T1. Đối với cháu Lý Như N, sinh ngày 24 tháng 4 năm 2017, từ khi sinh ra cho đến nay cháu N đều do chị T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nên về mặt tình cảm cháu N gắn bó với chị T1 nhiều hơn và cháu N hiện nay dưới 36 tháng tuổi nên cần phải giao cho chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên là phù hợp. Căn cứ vào khoản 2, khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử cần xem xét chấp nhận giao các cháu Lý Thanh C, sinh ngày 16 tháng 6 năm 2004, Lý Tử L, sinh ngày 02 tháng 02 năm 2006 và cháu Lý Như N, sinh ngày 24 tháng 4 năm 2017 cho chị Trần Thị T1 trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên là phù hợp.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Thị T1 không yêu cầu anh Lý Văn T2 cấp dưỡng nuôi các con chung đến tròn 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Căn cứ vào khoản 1 Điều 81, khoản 1 và khoản 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình, anh Lý Văn T2 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Anh T2 không được lạm dụng việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của chị Trần Thị T1.

[8] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị T1 và anh Lý Văn T2 tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí: Chị Trần Thị T1 là người có đơn xin ly hôn nên căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 56, Điều 81, khoản 1 và khoản 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T1 (tên gọi khác: Trần Thị C) và anh Lý Văn T2 (tên gọi khác: Lý Tấn T2, Lý Tân T2) được ly hôn.

2. Về con chung: Giao các con chung tên Lý Thanh C, sinh ngày 16 tháng 6 năm 2004, Lý Tử L, sinh ngày 02 tháng 02 năm 2006 và cháu Lý Như N, sinh ngày 24 tháng 4 năm 2017 cho chị Trần Thị T1 trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Anh Lý Văn T2 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Anh T2 không được lạm dụng việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của chị T1.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Thị T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị T1 và anh Lý Văn T2 tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: Chị Trần Thị T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2016/ 0006244 ngày 13 tháng 6 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, chị Trần Thị T1 đã nộp xong án phí.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện M;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện M;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P.KTNV & THA);
- Ủy ban nhân dân xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký**

Đặng Phước Tuấn